

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGÂN SƠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 24-8-2021
V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Huyền.
2. Ông Doanh Thiêm Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Tắm.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 03 năm 2021 về việc tranh chấp: “*Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1980 - Địa chỉ: Thôn Pù Mò, xã Bằng Vân, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Lô Văn V**, sinh năm 1981 - Địa chỉ: Thôn Pù Mò, xã Bằng Vân, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Sầm Đức Tùng - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Hà Thị P, sinh năm 1941 - Địa chỉ: Thôn Pù Mò, xã Bằng Vân, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 17/3/2021 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lô Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 15/10/2014. Trước khi kết hôn vào năm 2014, chị và anh V đã từng kết hôn một

lần vào năm 2009, cho đến năm 2012 thì hai bên ly hôn. Sau khi kết hôn lần hai vào năm 2014, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Vĩnh không tu chí làm ăn, thường xuyên tụ tập rượu chè, không giúp chị nuôi dạy con, mỗi lần đi chơi về thì thường chửi bới và đánh đập chị, hạ nhục chị trước mặt con, có lần còn cầm dao định giết chị và con chị được chứng kiến cảnh đó. Chồng chị có lúc còn tụ tập với những người nghiện ma túy, cho họ sử dụng ma túy tại nhà chị. Chị thấy việc làm của anh V như vậy là ảnh hưởng đến sự phát triển tinh thần của con chị. Vì lý do đó mà chị đã ly thân với anh V từ khoảng tháng 3 năm 2020 cho đến nay. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, hôn nhân nếu tồn tại chỉ làm khổ chị, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lô Văn V.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 01 người con chung là cháu Lô Huy H, sinh ngày 27/01/2008 (cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường). Ly hôn, chị N có nguyện vọng được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lô Huy H cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn: Chị N không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên do đương sự anh Lô Văn V không có thái độ hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án phải tiến hành các thủ tục tổng đạt cần thiết và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, cụ thể:

Ngày 16/04/2021 Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập cho đương sự Lô Văn V (đương sự đã nhận được giấy triệu tập tuy nhiên không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án).

Ngày 03/06/2021, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 14/TB-TA ngày 03/06/2021 đối với anh Lô Văn V nhưng anh V không có mặt tại Tòa án.

Ngày 24/06/2021, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 21/TB-TA ngày 24/06/2021 đối với anh Lô Văn V nhưng anh V không có mặt tại Tòa án.

Ngày 21/07/2021, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp giấy triệu tập cho đương sự Lô Văn V, tuy nhiên anh V không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai người làm chứng, xác minh quan hệ hôn nhân và tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Nguyễn Thị N và anh Lô Văn V thấy:

Tại biên bản xác minh ngày 09/06/2021, anh Lô Đức Thiệp – Công an viên thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn cung cấp thông tin: Chị Nguyễn Thị N và anh Lô Văn V sau khi kết hôn thì sinh sống tại thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Trước kia chị N và anh V đã ly hôn một lần nhưng sau đó lại quay lại chung sống với nhau. Quá trình chung sống chị Nga và anh V thường xuyên xảy ra

mâu thuẫn, hay cãi vã, chửi bới nhau, không tôn trọng nhau. Do có mâu thuẫn nên chị N và anh V đã ly thân, chị N đã tách ra ở riêng hơn một năm nay. Anh V thuộc đối tượng nghi ngờ nghiện chất ma túy. Chính quyền và thôn chưa từng được giải quyết mâu thuẫn giữa chị N và anh V do chị N và anh V chưa từng báo với chính quyền thôn. Con chung là cháu Lô Huy H hiện nay đang ở với chị N.

Tại biên bản xác minh với ông Hoàng Văn Cón - Trưởng thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn thể hiện: Chị Nguyễn Thị N và anh Lô Văn V sau khi kết hôn thì sinh sống tại thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Trước kia chị N và anh V đã ly hôn một lần nhưng có nhiều mâu thuẫn dẫn đến ly hôn. Đến năm 2014 thì chị N và anh V lại kết hôn lại, nhưng trong quá trình chung sống lại xảy ra mâu thuẫn. Chị N tách khẩu ra ở riêng còn anh V sống với bố mẹ đẻ. Hiện anh V đang sinh sống tại địa phương, thôn chưa được thông báo và chưa được giải quyết về mâu thuẫn giữa chị N và anh V.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/06/2021, người làm chứng bà Hà Thị P là mẹ đẻ của anh Lô Văn V trình bày: Quá trình chung sống giữa chị N và anh V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng thường xuyên lạnh nhạt với nhau, không thưa nhau, hay cãi vã, không dành tình cảm cho nhau. Sau khi xảy ra mâu thuẫn thì chị N và anh V ly thân, chị N tự làm nhà riêng ở với cháu Lô Huy H. Trước đó chị N và anh V đã ly hôn một lần, sau có lại quay lại với nhau nhưng lại phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh V không có việc làm, không tu chí làm ăn nên chị N và anh V càng ngày càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tuy nhiên, đây là việc riêng của hai vợ chồng chị N và anh V nên bà không có ý kiến gì về việc ly hôn giữa hai anh chị.

Tại biên bản xác minh ngày 09/06/2021 với ông Mã Văn L – Trưởng Công an xã B cung cấp thông tin: Chị Nguyễn Thị N và anh Lô Văn V đều có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên chị Nguyễn Thị N và anh Lô Văn V có trong sổ hộ khẩu của 02 hộ khác nhau. Trong hộ anh Lô Văn V tại Hồ sơ hộ khẩu số 01942 – 000627 có các nhân khẩu sau: Anh Lô Văn V, sinh năm 1981, cháu Lô Huy H, sinh năm 2008, ông Lô Văn M sinh năm 1942, bà Hà Thị P, sinh năm 1941. Trong Sổ hộ khẩu số 740 mang tên chủ hộ Nguyễn Thị N có 01 nhân khẩu là chị Nguyễn Thị N. Từ khi chị Nguyễn Thị N và anh Lô Văn V chung sống đến nay Công an xã B chưa lần nào giải quyết mâu thuẫn gia đình giữa chị N và anh V.

Hiện nay anh Lô Văn V không có trong hồ sơ quản lý nghiệp vụ của Công an xã.

Tại biên bản xác minh ngày 09/06/2021 với ông Nguyễn Văn Duy – Công chức Tư pháp Hộ tịch xã B cung cấp thông tin: Chị Nguyễn Thị N và anh Lô Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 15/10/2014 tại Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2014; Quyền số 01/2011, đăng ký lần 2. Trước đây giữa chị N và anh V đã kết hôn và đăng ký kết hôn lần đầu vào năm 2009, tuy nhiên quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn dẫn đến anh V và chị N ly hôn vào năm 2012. Sau khi ly hôn chị N đã tự ra ở riêng tại thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên sau đó hai người quay lại chung sống với nhau và sinh thêm 01 con chung tên là cháu Lô Quốc H1, sinh ngày 02/9/2014. Sau khi sinh cháu H1 thì hai bên mới đăng ký kết hôn lần 2 vào ngày 15/10/2014. Trong quá trình sinh sống giữa chị N và anh V lại xảy ra

mâu thuẫn, chị N chuyển công tác đến địa phương khác nên hai vợ chồng chị N và anh V ly thân, cụ thể thời gian thì anh không rõ. Quá trình chung sống giữa chị N và anh V có 02 con chung tên là Lô Huy H, sinh ngày 27/01/2008 và cháu Lô Quốc H1, sinh ngày 02/9/2014 (đã chết đầu năm 2009 do tai nạn giao thông). Hiện nay cháu Lô Huy H chủ yếu sống với mẹ. Về điều kiện kinh tế, qua thăm nắm thì chị N và anh V không có tài sản gì tại địa phương.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/06/2021, cháu Lô Huy H – Con chung của anh Lô Văn V và chị Nguyễn Thị N khai: Cháu hiện nay đang học tại trường Trung học cơ sở Đ, thành phố Cao Bằng, cháu ở với ông bà ngoại để tiện cho việc học hành, nghỉ hè thì về ở với mẹ là chị Nguyễn Thị N. Cả bố và mẹ đều là người quan tâm, chăm sóc cháu. Tuy nhiên nếu bố mẹ không ở với nhau nữa thì cháu muốn sống với bố.

Tại biên bản xác minh ngày 09/06/2021 với bà Tá Sơn Minh – Công chức Địa chính xã B cung cấp thông tin: Chị Nguyễn Thị N và anh Lô Văn V có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Hiện tại trên cơ sở dữ liệu đất đai tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn không có tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chị Nguyễn Thị N và anh Lô Văn V.

Tại công văn số 447/TTYT-HCTH ngày 27/7/2021 về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án nhân dân gửi huyện Ngân Sơn thể hiện: Trung tâm Y tế huyện Ngân Sơn xác nhận bà Nguyễn Thị N, sinh ngày 16/7/1980; Hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; Trình độ chuyên môn: Y sỹ, hiện đang công tác tại Trạm y tế xã A, thuộc Trung tâm y tế huyện Ngân Sơn. Tại Bảng lương 03 tháng 5,6,7 thể hiện mức lương hàng tháng đối với chị Nguyễn Thị N là 6.263.513 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai với anh Lô Văn V thể hiện: Anh đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập của Tòa án nhưng vì bận công việc anh không đến Tòa án được. Anh không đồng ý ly hôn, anh muốn cùng chị N nuôi dưỡng con chung là cháu Lô Huy H đến khi cháu H trưởng thành. Anh cho biết giữa anh và chị N không có tài sản chung. Giữa anh và chị N có mâu thuẫn do chị N có quan hệ ngoài luồng, tuy nhiên không ai chứng kiến sự việc đó ngoài anh vì lúc đó là nửa đêm. Anh V cho biết anh không có thu nhập ổn định, do làm công việc theo thời vụ.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 BLTTDS như: Thụ lý vụ án, tổ chức phiên họp giao nộp, tiếng cặn công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải, triệu tập nguyên đơn, bị đơn.

- Về thẩm quyền thụ lý: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Lô Văn V, địa chỉ tại thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ quy định tại Điều 28 và Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Xác định tư cách tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng như nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đúng theo quy định tại Điều 68 BLTTDS.

- Về việc xác minh, thu thập chứng cứ và giao nhận chứng cứ được thực hiện đúng quy định tại Điều 96, 97 BLTTDS.

- Về trình tự thụ lý: Thẩm phán đã thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 195 BLTTDS, thông báo về việc thụ lý vụ án cho các đương sự và VKS, thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định tại Điều 196, gửi các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 175, 177 BLTTDS.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

- Về thực hiện chuyển giao hồ sơ và gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 220 BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm đối với vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với nguyên đơn: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS 2015 như giao nộp chứng cứ, tham gia hòa giải, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và chấp hành tốt nội quy của Tòa án.

- Đối với bị đơn: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại các Điều 70, 72/BLTTDS 2015: Không gửi bản tự khai, không tham gia 02 phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Người làm chứng: Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại điều 78 BLTTDS 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, tuy anh V vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và có Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh V tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V là đúng quy định của pháp luật.

* Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 51, 56, 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4, Điều 147 BLTTDS 2015, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

* Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N về việc xin ly hôn với anh Lô Văn V.

* Về con chung: Giao con chung là cháu Lô Huy H cho chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Lô Huy H đủ 18 tuổi.

Anh Lô Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ pháp luật xem xét chấp nhận ý kiến của anh Lô Văn V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị N khởi kiện yêu cầu được xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh V có địa chỉ thường trú tại thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Tại phiên tòa, bị đơn anh Lô Văn V, người làm chứng đều vắng mặt có lý do, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 229 của BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị N và anh Lô Văn V kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh V là hợp pháp. Tuy nhiên, qua việc xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án, Hội đồng xét xử nhận thấy sau khi kết hôn khoảng ba năm thì vợ chồng anh N và anh V bắt đầu phát sinh những mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do trong thời gian chung sống anh V không chăm chỉ làm ăn, lười lao động, không giúp đỡ vợ con. Hơn nữa trong quá trình chung, giữa hai người bất đồng về quan điểm sống, nghi ngờ và không tin tưởng nhau, chị N cũng nghi ngờ anh V nghiện ma túy, anh V thì nghi ngờ chị N không chung thủy với anh. Chính vì có những bất đồng quan điểm sống như vậy, nên giữa hai không có tiếng nói chung, không cố gắng cùng nhau tìm ra hướng để giải quyết khúc mắc. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay và không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, chị N cũng không có ý định quay về chung sống với anh V và nhất quyết xin ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy hôn nhân của chị N và anh V đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, tuyên cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Lô Văn V.

2.2. Về nuôi con chung:

Quá trình chung sống, hai vợ chồng chị N và anh V có 01 con chung là cháu Lô Huy H, sinh ngày 27/01/2008 (cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường). Ly hôn, chị N có nguyện vọng được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và qua xác minh, thu thập Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện nay cháu H đang sống cùng mẹ. Chị N với nghề nghiệp là Y sỹ và đang làm việc tại Trạm Y tế xã A với mức lương ổn định hàng tháng là 6.263.513 đồng, chị N có nhà riêng cho thấy chị N có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện lo cho cháu H. Anh V thường xuyên đi làm ăn xa và không có thu nhập ổn định. Nguyên vọng của chị N sau khi ly hôn là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy cháu H từ trước đến nay sống cùng mẹ, được sự quan tâm chăm sóc từ mẹ, cháu được đi học và phát triển bình thường vì vậy việc chị N có yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho chị là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế khách quan trong vụ án và cũng đảm bảo điều kiện về vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường về tâm, sinh lý cho cháu Lô Huy H. Do vậy xét cần chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N đối với bị đơn anh Lô Văn V về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*”.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Lô Văn V.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Lô Huy H, sinh ngày 27/01/2008 (cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường) cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu Lô Huy H đủ 18 tuổi. Anh Lô Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung:

Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 08229, ngày 18/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn. Xác nhận chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

6. Quyền kháng cáo:

6.1. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6.2. Bị đơn anh Lô Văn V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ngân Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Chi cục THADS huyện Ngân Sơn;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Công

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Huyền

La Thị Nhung

Nguyễn Thái Công